

Bản án số: 57/2020/HS-ST
Ngày 17 - 8 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Hòa và ông Nguyễn Văn Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 01 tháng 8 năm 1990, tại: Xã V, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Vân Giữa, xã V, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị B; có vợ Phạm Thị Tr (Đã ly hôn), con: Chưa có; tiền sự không; Tiền án, có 03 tiền án:

- Tại Bản án số: 40/2011/HSST ngày 27/7/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 01/7/2012, Tiến chấp hành xong án phạt tù.

- Tại Bản án số: 214/2013/HSST ngày 31/5/2013 bị Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 19/02/2014, Tiến chấp hành xong án phạt tù.

- Tại Bản án số: 04/2015/HSPT ngày 04/02/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 01/9/2018, Tiến chấp hành xong án phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/3/2020 đến nay, “có mặt”.

Bị hại:

- Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1963, “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn Đình, xã Y, huyện P, Vĩnh Phúc.

- Anh Nguyễn Văn Toàn, sinh năm 1990, “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn Vân Giữa, xã V, huyện D, Vĩnh Phúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phùng Ngọc M, sinh năm 1986, “có mặt”.

Địa chỉ: Thôn Đồng Vang, xã K, huyện D, Vĩnh Phúc.

- Anh Trịnh Minh L, sinh năm 1986, “vắng mặt”.

Địa chỉ: Khu HC số 8, phường Đ, thành phố N, Vĩnh Phúc.

- Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1954, “vắng mặt”.

Địa chỉ: TDP Thanh Giã 1, phường G, thành phố N, Vĩnh Phúc.

- Anh Phùng Văn U, sinh năm 1992, “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn Tân Thịnh, xã, huyện D, Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ ngày 10/3/2020, Nguyễn Văn T đang ở phòng trọ ở phường G, thành phố N thì nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà Nguyễn Thị Q (là bá ruột của T) để trộm cắp tài sản do T biết vào thời điểm buổi sáng thì gia đình bà Q thường không có ai ở nhà. T đi bộ từ phòng trọ của mình đến khu vực trước cổng siêu thị Coopmart thuộc phường G, thành phố N thuê ông Nguyễn Văn X là lái xe ôm, chở về xã Y, huyện V; T nói với ông X chở về nhà có việc. T bảo ông X chở mình về qua phòng trọ, lấy 01 chiếc kim cộng lực nhãn hiệu FBF đem theo làm dụng cụ trộm cắp tài sản. Ông X tưởng T là công nhân mang kim về nhà, nên ông không hỏi T mang theo kim đi để làm gì. Khi đi đến cách nhà bà Q khoảng 400m thì T bảo ông X đứng đợi ngoài đường chờ để T đi về nhà mình có việc một lúc rồi sẽ quay lại, sau đó T cầm theo kim cộng lực đi bộ vào trong ngõ nhà bà Q. Khi đến trước cổng nhà bà Q thì T quan sát thấy cổng được khóa bên trong, nên đã trèo qua tường bao loan vào trong sân và dùng kim cắt đứt khóa cổng. T tiếp tục dùng kim cắt đứt khóa cửa nhà bà Q, rồi đi vào bên trong phòng khách thì quan sát thấy có 01 chiếc ti vi nhãn hiệu Sam Sung 55 inch, để trên kệ bằng kính nên T đi đến tháo hết rắc ti vi ra khỏi nguồn điện để trộm cắp chiếc tivi này. T bê ti vi đặt xuống nền nhà, rồi đi vào trong phòng ngủ lấy 01 vỏ ga giường để che phủ kín tivi, mục đích không để người khác phát hiện khi vận chuyển ra ngoài. Khi vào trong phòng ngủ thì T quan sát thấy có 01 chiếc điện thoại di động

nhãn hiệu Oppo loại A51W của bà Q để ở trên giường, T đã lấy chiếc điện thoại này đút vào túi quần đang mặc. Sau đó T đi đến vị trí ông X đang đứng bảo ông X điều khiển xe đến trước cổng nhà bà Q để chở T cùng chiếc ti vi trộm cắp được có vỏ ga giường quần bên ngoài để đem đi tiêu thụ, còn chiếc kim cộng lực thì T bỏ lại tại nhà bà Q. Ông X nghĩ nhà bà Q là nhà của T nên đã không nghi ngờ gì khi thấy T ôm ti vi ra. Khi ông X chở T đến đoạn đường QL2A khu vực cây xăng Quân đội thuộc xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương thì do có gió thổi lớn ở trên đường làm ti vi cản gió, khó di chuyển nên T xuống xe mô tô để thuê xe taxi đi. Vì không có tiền trên người nên T bảo ông X cho mình nợ tiền thuê xe ôm đến tối sẽ trả, do đã biết rõ địa điểm phòng trọ của T nên ông X đồng ý. Sau đó, T tiếp tục thuê anh Phùng Văn U là lái xe ô tô taxi đang đỗ ở ven đường chở T cùng chiếc ti vi trộm cắp được đến cửa hàng mua bán điện thoại biển hiệu “Táo Đẹp” ở phường G, thành phố N do anh Phùng Ngọc M làm chủ để bán chiếc ti vi vừa trộm cắp được. Khi đem ti vi vào cửa hàng bán thì T đã cởi bỏ chiếc vỏ ga giường ra khỏi ti vi, rồi vứt bỏ chiếc vỏ ga này ở rệ đường trước cửa quán. Do trong quá trình vận chuyển chiếc ti vi từ vị trí để ban đầu, ra bên ngoài nhà bà Q thì ti vi bị va vào cầu thang nhà bà Q khiến màn hình bị vỡ, nên anh M chỉ đồng ý mua chiếc ti vi đó với giá 1.000.000đ, T đồng ý bán chiếc ti vi trộm cắp được với giá này rồi nhận tiền của anh M. T trả tiền taxi cho anh U hết 110.000đ, trả tiền xe ôm cho ông X hết 150.000đ. Đến khoảng 15 giờ ngày 11/3/2020, T đem chiếc điện thoại trộm cắp được của bà Q đến bán cho anh Trịnh Minh L là chủ cửa hàng điện thoại “Hải Cạn” ở phường G, thành phố N được 200.000đ. Toàn bộ số tiền có được do bán những tài sản trộm cắp được mà có nêu trên T đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất chiếc ti vi và chiếc điện thoại, bà Nguyễn Thị Q đã trình báo Cơ quan công an đề nghị giải quyết. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã phối hợp cùng các ngành chức năng khám nghiệm hiện trường và tổ chức các hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, thu giữ 01 chiếc kim cộng lực nhãn hiệu FBF mà T để lại tại hiện trường và 02 chiếc khóa treo loại khóa Việt - Tiệp đã bị cắt đứt quai khóa đều có kích thước giống nhau: Thân khoá cao 3,5cm, rộng 3,8cm, dày 1,3cm.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi được chiếc điện thoại Oppo, loại A51W của bà Q bị T trộm cắp, do anh L tự nguyện giao nộp. Còn chiếc ti vi của bà Q bị T trộm cắp, sau khi mua chiếc ti vi này, anh M đã bán cho 01 người không rõ lai lịch, địa chỉ và chiếc ga giường T vứt đi sau khi bán ti vi nên Cơ quan điều tra chưa thu hồi được.

Ngày 13/3/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã ra yêu cầu định giá tài sản số 70 gửi Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường đề nghị định giá những tài sản của bà Q bị T trộm cắp là: 01 chiếc ti vi nhãn hiệu Sam Sung 55 inch (định giá qua hồ sơ) và 01 chiếc điện thoại di động Oppo A51W. Cùng ngày, Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường đã có kết luận định giá tài sản số 32/KL – HĐĐGTTHS kết luận: Chiếc ti vi nêu trên có giá trị là 11.000.000đ và chiếc điện thoại di động nêu trên có giá trị 500.000đ. Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 11.500.000đ.

Ngày 12/5/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã ra yêu cầu định giá tài sản số 130 gửi Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường đề nghị định giá những tài sản của bà Q bị T làm hư hỏng và làm mất gồm: 02 chiếc khóa treo loại khóa Việt - Tiệp đã bị cắt đứt quai khóa và 01 chiếc vỏ ga giường màu sọc xanh - trắng mà T đã lấy để che phủ kín ti vi.

Ngày 25/5/2020, Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường đã có kết luận định giá tài sản số 63/KL – HĐĐGTTHS kết luận: 02 chiếc khóa treo loại khóa Việt- Tiệp có tổng giá trị 80.000đ; 01 chiếc vỏ ga giường không có đủ căn cứ để xác định giá trị của tài sản nêu trên với lý do: Tài sản không còn, mẫu mã vỏ ga không mô tả chính xác, hiện trạng sử dụng không rõ ràng.

Ngày 20/5/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã ra quyết định trưng cầu giám định số 315 gửi Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc về giám định kỹ thuật số và điện tử. Ngày 30/5/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc có kết luận giám định số 1228/KLGD kết luận: Trích xuất được 06 (sáu) ảnh đặc điểm và diễn biến của những người xuất hiện trên 01 (một) tập tin video gửi giám định, chi tiết được thể hiện trong bản ảnh giám định. Sao in được 01 (một) tập tin video gửi giám định sang 01 (một) đĩa DVD. Kèm theo kết luận giám định: 01 (một) bản ảnh giám định, 01 (một) đĩa DVD có chữ ký của giám định viên. Quá trình kiểm tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Tường cho T quan sát bản ảnh giám định kèm theo kết luận giám định số 1228/KLGD ngày 30/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc, T khẳng định người mặc áo đen ngồi sau xe mô tô đang ôm một vật dạng tấm hình chữ nhật, được phủ bên ngoài bằng vải kẻ sọc màu nhiều màu trong bản ảnh giám định chính là mình đang ôm ti vi đi tiêu thụ.

Quá trình điều tra mở rộng vụ án, T khai nhận ngoài hành vi trộm cắp tài sản tại xã Y, huyện P ngày 10/3/2020 nêu trên thì T còn thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản khác tại xã V, huyện D cùng ngày 10/3/2020, cụ thể:

Buổi sáng, sau khi trộm cắp tài sản nhà bà Q tại xã Y, huyện P, đến khoảng 19 giờ ngày 10/3/2020, T đi bộ sang nhà anh Nguyễn Văn R với mục đích vay tiền anh R. Khi đến trước cổng nhà anh R thì T thấy cổng khoá, T gọi anh R nhưng không thấy có ai trong nhà trả lời nên nghĩ trong nhà anh R không có ai ở nhà. T quan sát qua hàng rào sắt bao loan thấy cửa bếp của nhà anh R chỉ khép hờ, không khoá. Do đã từng vào nhà anh R nên T biết bên trong phòng khách có 01 chiếc ti vi có giá trị, T nảy sinh ý định đột nhập vào nhà anh R trộm cắp chiếc ti vi này đem bán lấy tiền tiêu xài. T trèo qua tường rào bao loan vào trong sân nhà anh R, mở cửa gian bếp rồi đi lên phòng khách thì thấy có 01 chiếc ti vi nhãn hiệu LG loại 49 inch đang đặt trên chiếc kệ bằng kính; T tháo hết các rắc cắm của ti vi khỏi nguồn rồi ôm chiếc ti vi ra ngoài đường, cất giấu ở bụi chuối gần nhà anh R, rồi gọi điện thuê xe ô tô taxi của 01 người nam giới lạ mặt hãng taxi Thiên Đức chở chiếc ti vi trộm cắp được đến bán cho anh Phùng Ngọc M được số tiền 3.500.000đ. Số tiền này T đã trả cho lái xe ô tô taxi hết 200.000đ, còn lại 3.300.000đ thì T sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã thu giữ được chiếc ti vi của anh R bị T trộm cắp, do anh M tự nguyện giao nộp. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã bàn giao chiếc ti vi này cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Dương để tiến hành điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 09/04/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Dương đã ra Yêu cầu định giá tài sản số 39 gửi Hội đồng định giá tài sản huyện Tam Dương đề nghị định giá tài sản là 01 chiếc ti vi, nhãn hiệu LG 49 inch mà T đã trộm cắp của anh R nêu trên. Ngày 27/4/2020, Hội đồng định giá tài sản huyện Tam Dương đã có Kết luận định giá tài sản số 17/KL – HĐĐGTS xác định: Chiếc ti vi trên có giá trị là 4.800.000 đồng.

Ngày 15/4/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Dương ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T về tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Ngày 05/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương đã ra Quyết định chuyển vụ án hình sự Trộm cắp tài sản tại xã V, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 10/3/2020 đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường để điều tra, giải quyết theo thẩm quyền. Cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường đã ra Quyết định nhập vụ án hình sự đối với 02 vụ án trên để điều tra theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 59/CT-VKSVT ngày 06 tháng 7 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đối với bị cáo; sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T từ 03 năm 09 tháng đến 04 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 13/3/2020. Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

- Anh Phùng Ngọc M trình bày khi mua hai chiếc tivi của bị cáo T anh không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có. Quá trình điều tra, anh đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra chiếc ti vi mà T trộm cắp của anh R, do đó đối với số tiền 3.500.000đ mà anh trả cho bị cáo T khi mua chiếc ti vi mà T trộm cắp được tại nhà anh Nguyễn Văn R anh yêu cầu T phải bồi thường số tiền trên.

- Đối với bị hại bà Nguyễn Thị Q, anh Nguyễn Văn R và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trịnh Minh L, ông Nguyễn Văn X và anh Phùng Văn U quá trình điều tra đều trình bày các nội dung phù hợp các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như phù hợp lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa. Bị hại bà Q yêu cầu T phải bồi thường cho bà số tiền 11.000.000đ tương ứng với số tiền mà Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường kết luận về giá trị của chiếc ti vi của bà bị trộm cắp. Ngoài ra các bị hại và người liên quan không có ý kiến gì khác, đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Tường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các

hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, bị cáo khai nhận:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 08 giờ ngày 10/3/2020 T nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1963, trú tại xã Y, huyện P (là bá ruột của T) để trộm cắp tài sản. T đi bộ từ phòng trọ của mình ở phường G, thành phố N đến khu vực trước cổng siêu thị Coopmart thuộc phường G và thuê ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1954, trú tại Phường G là lái xe ôm chở về xã Y, huyện P. Khi đi, T nói với ông X chở T về nhà có việc. T mang theo 01 kim cồng lực nhãn hiệu FBF với mục đích để cắt khoá nhà bà Q trộm cắp tài sản. Đến nơi T dùng kim cắt khoá cổng và khoá cửa nhà bà Q đột nhập vào nhà lấy 01 tivi 55 inch, 01 vỏ ga giường phủ bao ti vi và 01 điện thoại Oppo loại A51W của bà Q với tổng giá trị là 11.500.000đ. Sau đó T mang tivi xuống phường G bán cho anh Phùng Ngọc M, sinh năm 1986 trú tại xã K, huyện D với giá 1.000.000đ.

Tiếp đó đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T đi bộ sang nhà anh Nguyễn Văn R, sinh năm 1990, trú tại thôn Vân Giữa, xã V, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc để vay tiền. Do nhà anh R không có ai ở nhà nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản; T trèo tường đột nhập vào nhà anh R lấy trộm 01 chiếc tivi nhãn hiệu LG loại 49 inch trị giá 4.800.000đ rồi đem bán cho anh Phùng Ngọc M được số tiền 3.500.000đ. Đến khoảng 15 giờ ngày 11/3/2020, T đem chiếc điện thoại trộm cắp được của bà Q đến bán cho anh Trịnh Minh L, sinh năm 1986, trú tại phường Đ, thành phố N là chủ cửa hàng điện thoại ở Phường G, thành phố N được số tiền 200.000đ. Toàn bộ số tiền có được do bán những tài sản trộm cắp được mà có nêu trên là 16.300.000đ, T đã tiêu xài cá nhân hết.

[3] Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án; biên bản thực nghiệm điều tra, phù hợp với kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản và vật chứng vụ án thu giữ được cùng các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa.

Đối với bị cáo T đã có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, tại Bản án số 40/2011/HSST ngày 27/7/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 01/7/2012, T chấp hành xong án phạt tù. Tại Bản án số 214/2013/HSST ngày 31/5/2013 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai,

Thành phố Hà Nội xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 19/02/2014, T chấp hành xong án phạt tù. Tại bản án số 04/2015/HSPT ngày 04/02/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 04 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản với tình tiết định khung tăng nặng tái phạm nguy hiểm, ngày 01/9/2018, T chấp hành xong án phạt tù. Đến nay, tất cả các Bản án đều chưa được xóa án tích, bị cáo lại tiếp tục thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trong ngày 10/3/2020, các lần trộm cắp trị giá tài sản đều trên 2.000.000 đồng; bản thân bị cáo T không có nghề nghiệp gì, chỉ đi lang thang để trộm cắp tài sản và sử dụng tiền có được do bán tài sản trộm cắp làm nguồn sống chính. Do đó, lần phạm tội này bị cáo T phải chịu các tình tiết định khung tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là Phạm tội Có tính chất chuyên nghiệp và Tái phạm nguy hiểm.

Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:....

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

g) Tái phạm nguy hiểm”.

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm.

[5] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là phạm tội 02 lần trở lên. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật và ham muốn kiếm tiền bất chính nhằm mục đích tiêu sài cá nhân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm buộc bị cáo phải cách ly khỏi cuộc sống cộng đồng để chấp hành hình phạt tù tại trại giam với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát mới đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T là đối tượng không có nghề nghiệp và không có tài sản vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

[7.1] Quá trình điều tra Cơ quan điều tra chưa thu hồi được chiếc ti vi mà T trộm cắp của bà Nguyễn Thị Q. Do vậy, bà Q yêu cầu T phải bồi thường cho bà số tiền 11.000.000đ tương ứng với số tiền mà Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Tường kết luận về giá trị của chiếc ti vi này. Bị cáo T đồng ý bồi thường nhưng hiện chưa có điều kiện, sau này khi nào chấp hành án xong bị cáo đi làm có thu nhập mới có điều kiện bồi thường. Do đó cần buộc bị cáo T bồi thường cho bà Q số tiền 11.000.000 đồng.

[7.2] Đối với số tiền 3.500.000đ mà bị cáo T có được do bán chiếc ti vi trộm cắp được tại nhà anh Nguyễn Văn R cho anh Phùng Ngọc M, số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết. Quá trình điều tra, anh M đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra chiếc ti vi này đồng thời yêu cầu T phải bồi thường số tiền 3.500.000đ là tiền anh M trả cho T khi mua chiếc ti vi trên. Bị cáo T đồng ý bồi thường nhưng hiện chưa có điều kiện, sau này khi nào chấp hành án xong bị cáo đi làm có thu nhập mới có điều kiện bồi thường. Do đó cần buộc bị cáo T bồi thường cho anh M số tiền 3.500.000 đồng.

[8] Đối với 02 chiếc khóa treo mà bị cáo T đã dùng kim cộng lực cắt đứt trị giá 80.000đ và 01 chiếc vỏ ga giường mà T lấy để che phủ ti vi của gia đình bà Q khi đem đi tiêu thụ rồi vứt bỏ, quá trình điều tra xác định do giá trị của tài sản trên thấp, bà Q xin tự khắc phục không yêu cầu T phải bồi thường gì do vậy không xét.

[9] Đối với số tiền 1.000.000đ anh Phùng Ngọc M trả cho Nguyễn Văn T khi mua chiếc ti vi T trộm cắp được của gia đình bà Q. Quá trình điều tra xác định sau khi mua ti vi của T, anh M đã bán lại chiếc ti vi này cho người khác với giá 1.200.000đ. Số tiền chênh lệch 200.000đ là tiền anh M bán tài sản do T trộm cắp tài sản, tuy nhiên do anh M không biết đây là tài sản trộm cắp nên không truy thu số tiền trên.

[10] Đối với số tiền 200.000đ mà anh Trịnh Minh L dùng để mua chiếc điện thoại OPPO A51W, màu xanh của bị cáo T (chiếc điện thoại này đã trả lại cho bà Q), quá trình điều tra xác định do số tiền ít nên anh L không yêu cầu T phải trả lại do vậy Tòa không xét.

[11] **Về vật chứng của vụ án:**

[11.1] Đối với chiếc ti vi Samsung 55inch mà T đã trộm cắp được của bà Q sau đó bán cho anh M và anh M đã bán cho một người khách lạ; 01 chiếc vỏ ga giường mà T lấy để che phủ ti vi (sau đó vứt ở rệ đường), đến nay cơ quan điều tra chưa thu hồi được nên Cơ quan điều tra đã ra Thông báo truy tìm vật chứng, khi nào làm rõ sẽ đề nghị xử lý sau.

[11.2] Đối với 02 chiếc khoá bị T dùng kim cộng lực cắt đứt và 01 chiếc kim cộng lực nhãn hiệu FBF T dùng để cắt khoá không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

[11.3] Đối với 01 chiếc tivi LG loại 49 inch, T trộm cắp được của gia đình anh R, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của gia đình anh R nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Dương đã trả lại cho anh R theo quy định. Nhận lại tài sản anh R không có đề nghị gì do vậy không xét.

[11.4] Đối với 01 chiếc điện thoại di động T dùng để gọi xe taxi Thiên Đức đến đón để chở T đi tiêu thụ tài sản, T khai chiếc điện thoại trên đã bị rơi mất nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Tường không đề cập xử lý.

[11.5] Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A51W, màu xanh T trộm cắp được của bà Q, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của bà Q nên cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà Q, nhận lại tài sản bà Q không có đề nghị gì, do vậy Tòa không xét.

[12] Đối với anh Phùng Ngọc M là người đã mua 02 chiếc ti vi do T trộm cắp được vào ngày 10/3/2020. Quá trình điều tra xác định cửa hàng của anh M thường xuyên mua bán các đồ điện tử cũ và mới như ti vi, điện thoại, máy tính của khách có nhu cầu, mà những loại hàng này thường không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc tài sản. Mặc dù anh M mua của T 02 chiếc ti vi đã cũ trong cùng một ngày nhưng khi bán ti vi cho anh M thì T đều nói 02 chiếc ti vi này là của gia đình mình không có nhu cầu sử dụng đem bán, nên anh M không biết đây là tài sản do T phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[13] Đối với anh Trịnh Minh L là người đã mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A51W của T vào ngày 11/3/2020, quá trình điều tra xác định khi anh L mua chiếc điện thoại di động nêu trên của T thì T nói chiếc điện thoại này là của T không có nhu cầu sử dụng đem bán nên anh L không biết đây là tài sản do T phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[14] Đối với ông Nguyễn Văn X là người đã chở T đến xã Y, huyện P vào sáng ngày 10/3/2020 để T trộm cắp tài sản nhà bà Q. Quá trình điều tra xác định, khi chở T đi thì ông X thấy T đem theo kim cộng lực nhưng ông X không biết T đem kim đi trộm cắp tài sản và cũng không quan sát thấy việc T đột nhập vào nhà bà Q trộm cắp chiếc ti vi mà ông X chở T đi tiêu thụ nêu trên. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[15] Đối với anh Phùng Văn U là người điều khiển xe ô tô taxi chở T đem chiếc ti vi trộm cắp được của bà Q đến địa điểm tiêu thụ. Quá trình điều tra xác định

khi chở T đi như vậy thì anh U không hề biết chiếc tivi T đem theo là tài sản do T phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[16] Đối với người nam giới là lái xe taxi hãng Thiên Đức đã chở T đi tiêu thụ chiếc tivi trộm cắp được tại nhà anh R. Quá trình điều tra đến nay cơ quan điều tra chưa xác định được nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ được sẽ xem xét xử lý sau là phù hợp.

[17] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 725.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T (Mỗ) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 (Bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 13 tháng 3 năm 2020.

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Q số tiền 11.000.000đ và bồi thường cho anh Phùng Ngọc M 3.500.000đ.

Kể từ ngày bà Q, anh M có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo T chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy đối với 02 chiếc khoá bị T dùng kìm công lực cắt đứt và 01 chiếc kìm công lực nhãn hiệu FBF Tiến dùng để cắt khoá không có giá trị sử dụng. Vật chứng nêu trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường lập ngày 14 tháng 8 năm 2020.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 725.000đ (Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm;

bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại, người liên quan;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CQĐT - CA huyện Vĩnh Tường;
- CQCSTHAHS - CA huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Xuân Trọng